

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 02/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thành Dũng

Ông Hoàng Đình Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chính - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST- DS, ngày 19/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 18/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Địa chỉ: Số 109, T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh H – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Phú Thọ (theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD, ngày 20/6/2017).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Phòng giao dịch Hạ Hòa, chi nhánh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền số 292/2020/QĐ-LBP.PT ngày 02/11/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Vĩnh H, sinh năm 1976

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (Vợ ông Hà)

Cư trú tại: Khu 13, xã X, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Ông T có mặt, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 11/01/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh H, bà Nguyễn Thị T (viết tắt vợ chồng ông H) ký kết Hợp đồng tín dụng số:

66/110117/04/290. Theo Hợp đồng, thì Ngân hàng cho vợ chồng ông H vay số tiền 150.000.000đ theo hình thức tín chấp (ông H, bà T là giáo viên công tác tại huyện Hạ Hòa) để mua sắm đồ gia dụng sinh hoạt trong gia đình. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 11/01/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông H chỉ trả đúng tiền gốc, tiền lãi đến ngày 19/9/2018. Từ ngày 20/9/2018 đến nay vợ chồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử hôm nay (02/3/2021), vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 139.071.369đ (gồm nợ gốc trong hạn là 27.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 71.500.000đ, nợ lãi là 19.298.166đ và nợ lãi quá hạn là 20.773.770đ, trong đó có 5.055.818đ là tiền lãi phạt lãi quá hạn).

Đến nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, cho Ngân hàng là 134.015.551đ (gồm nợ gốc trong hạn là 27.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 71.500.000đ, nợ lãi là 19.298.166đ và nợ lãi quá hạn là 15.717.952đ) với hình thức mỗi tháng trả 3.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thi hành xong. Đối với số tiền lãi phạt lãi quá hạn là 5.055.818đ, Ngân hàng không đề nghị nữa.

- Bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh H trình bày: Ngày 11/01/2017 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000đ, theo hình thức tín chấp để mua sắm đồ gia dụng trong gia đình. Trong quá trình thực hiện, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông mới trả được một phần gốc và một phần lãi cho Ngân hàng, sau đó không trả được nữa. Tính đến ngày 31/10/2020 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền là 132.687.369đ (gồm nợ gốc trong hạn là 37.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 61.500.000đ, nợ lãi là 17.910.297đ và nợ lãi phạt quá hạn là 15.768.072đ) theo đơn khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn đúng. Đến nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả toàn bộ số nợ còn lại theo hình thức mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi thi hành xong ông cũng nhất trí. Tuy vợ ông đã nghỉ dạy học và đi vào miền nam làm ăn, nhưng khi Ngân hàng khởi kiện ông cũng thông báo cho bà T biết, đồng thời bà T cũng nhất trí trả số nợ này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh H, bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử hôm nay là 134.015.551đ (gồm nợ gốc trong hạn là 27.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 71.500.000đ, nợ lãi là 19.298.166đ và nợ lãi quá hạn là 15.717.952đ) với hình thức mỗi tháng trả 3.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thi hành xong. Đối với số tiền lãi phạt lãi quá hạn 5.055.818đ là tiền lãi chồng lãi, tuy nhiên do Ngân hàng không đề nghị nữa nên không phải giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng không phải nộp án phí. Vợ chồng ông H, bà T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông H, bà T cư trú và thực hiện hợp đồng ở xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 11/01/2017, Ngân hàng cho vợ chồng ông H vay số tiền 150.000.000đ để mua sắm đồ gia dụng sinh hoạt trong gia đình. Khi vay các bên có ký kết Hợp đồng tín dụng theo quy định. Do vợ chồng ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên phát sinh tranh chấp. Do vậy tranh chấp giữa Ngân hàng với vợ chồng ông H là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2.2]. Về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng là một loại của Hợp đồng dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, thì Ngân hàng thương mại là tổ chức tín dụng, là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngân hàng có chức năng cấp tín dụng (cho vay) bằng Hợp đồng tín dụng. Ngày 11/01/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H ký kết Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 66/110117/04/290, có các nội dung về số tiền vay, mục đích sử dụng tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi, hình thức bảo đảm tiền vay, chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn....và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Như vậy, xét về hình thức hợp đồng có đủ các điều kiện theo quy định.

Về nội dung hợp đồng tín dụng: Theo thỏa thuận, thì ngày 11/01/2017 Ngân hàng cho vợ chồng ông H vay số tiền 150.000.000đ theo hình thức tín chấp để mua sắm đồ gia dụng trong gia đình. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền gốc là 2.500.000đ và tiền lãi phát sinh, thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 11/01/2017. Đồng thời, quy định việc Ngân hàng chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn, trong đó có trường hợp, khi bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Từ ngày 20/9/2018 đến nay vợ chồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả đầy đủ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Như vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng là có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần buộc vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính xét xử hôm nay là 134.015.551đ (gồm nợ gốc trong hạn là 27.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 71.500.000đ, nợ lãi là 19.298.166đ và nợ lãi quá hạn là 15.717.952đ) với hình thức mỗi tháng trả 3.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thi hành xong. Đối với số tiền lãi phạt

lãi quá hạn là 5.055.818đ, đây là khoản lãi chồng lãi sẽ không được chấp nhận. Tuy nhiên do Ngân hàng không đề nghị nữa nên không phải giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên vợ chồng ông Hà phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 11/2017/AL, ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh H, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền còn nợ tính đến ngày 02/3/2021 là 134.015.551đ (Một trăm ba tư triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng, gồm nợ gốc trong hạn là 27.500.000đ, nợ gốc quá hạn là 71.500.000đ, nợ lãi là 19.298.166đ và nợ lãi quá hạn là 15.717.952đ), theo hình thức mỗi tháng trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng), từ tháng 3/2021. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Vĩnh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 66/110117/04/290, ngày 11/01/2017, giữa vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh H, bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Nguyễn Vĩnh H, bà Nguyễn Thị T phải nộp 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2020/0002502, ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện Ngân hàng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H và bà T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Vũ Thường